CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 3 năm 2022

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
Ký ngày: 25/3/2022 09:23:51

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Ông Trần Văn Sử	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất .

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đào Văn Dũng
Giám đốc

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Số: 116/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương năm 2022 với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng giá trị 1.260.000.000 VND; Việc thực hiện trích lập dự phòng này là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ Kế toán Việt Nam. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản mục "Phải trả người lao động" sẽ giảm với số tiền là 1.260.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ giảm và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**14.594.383.512**	22.423.085.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**7.956.313.720**	**9.669.148.141**
1. Tiền	111	4	2.956.313.720	5.669.148.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.950.265.730**	**5.589.132.610**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.766.659.500	6.984.098.710
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		60.000.000	96.273.000
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.876.393.770)	(1.491.239.100)
III. Hàng tồn kho	**140**	8	**1.875.876.729**	**6.612.196.054**
1. Hàng tồn kho	141		1.875.876.729	6.612.196.054
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.811.927.333**	**552.608.760**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	8.100.000	22.922.020
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		118.090.476	529.686.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.685.736.857	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		**61.654.240.917**	**67.904.183.742**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**13.370.968.026**	**14.072.549.740**
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	13.370.968.026	14.072.549.740
II. Tài sản cố định	**220**		**31.088.820.059**	**35.115.118.175**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.947.145.912	11.856.671.170
- Nguyên giá	*222*		*27.341.938.434*	*32.703.692.376*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(18.394.792.522)*	*(20.847.021.206)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	22.141.674.147	23.258.447.005
- Nguyên giá	*228*		*22.678.091.630*	*46.645.009.294*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(536.417.483)*	*(23.386.562.289)*
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**17.194.452.832**	**18.716.515.827**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.520.610.097	8.768.379.471
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		23.289.382	-
3. Lợi thế thương mại	269	12	8.650.553.353	9.948.136.356
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**76.248.624.429**	**90.327.269.307**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**33.614.970.870**	**47.235.591.771**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**26.470.904.240**	**35.273.324.768**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	446.881.027	1.349.253.961
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.809.250	53.797.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	15.085.638.258	18.172.283.814
4. Phải trả người lao động	314		1.740.889.373	2.348.817.081
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		207.969.743	981.221.231
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		57.946.523	103.531.473
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	400.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	8.650.849.400	11.597.606.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		226.920.666	266.814.208
II. Nợ dài hạn	**330**		**7.144.066.630**	**11.962.267.003**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	8.400.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		349.000.000	337.200.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	15	6.795.066.630	3.225.067.003
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**42.633.653.559**	**43.091.677.536**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**16**	**42.633.653.559**	**43.091.677.536**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*32.628.180.000*	*32.628.180.000*
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.004.439.139	10.462.456.749
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*9.962.456.749*	*4.302.510.820*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*41.982.390*	*6.159.945.929*
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		1.034.420	1.040.787
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**76.248.624.429**	**90.327.269.307**

M.S.D.N: 0800282498 CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG TỈNH HẢI DƯƠNG

Đào Văn Dũng	**Nguyễn Hữu Khiêm**	**Trần Thị Vân**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	**64.465.486.400**	**79.790.171.733**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	10		64.465.486.400	79.790.171.733
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	51.598.766.386	64.502.221.146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**12.866.720.014**	15.287.950.587
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	528.442.005	422.232.988
7. Chi phí tài chính	22	23	167.568.293	1.045.452.877
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*167.568.293*	*1.045.452.877*
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	24	2.690.091.664	3.772.275.469
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.136.366.458	9.645.086.513
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		**401.135.604**	**1.247.368.716**
12. Thu nhập khác	31	25	983.124.790	6.965.233.021
13. Chi phí khác	32		1.001.232.304	396.266.970
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(18.107.514)**	**6.568.966.051**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**383.028.090**	**7.816.334.767**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	352.541.449	1.319.300.796
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(11.489.382)	337.200.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**41.976.023**	**6.159.833.971**
18.1. LNST của cổ đông Công ty mẹ	*61*		*41.982.390*	*6.159.945.929*
18.2. LNST của cổ đông không kiểm soát	*62*		*(6.367)*	*(111.958)*
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	13	1.735

M.S.D.N: 0800282498 CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG TỈNH HẢI DƯƠNG

Đào Văn Dũng
Giám đốc
Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***383.028.090***	***7.816.334.767***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và lợi thế thương mại	02	4.949.268.202	3.982.846.559
- Các khoản dự phòng	03	1.535.313.404	1.963.523
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(842.468.627)	(797.758.269)
- Chi phí lãi vay	06	167.568.293	1.045.452.877
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***6.192.709.362***	***12.048.839.457***
- Tăng, (giảm) các khoản phải thu	09	2.543.215.987	4.129.209.417
- Tăng, (giảm) hàng tồn kho	10	4.699.485.275	4.160.726.389
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.294.854.938)	(7.536.641.282)
- Tăng, (giảm) chi phí trả trước	12	262.591.394	1.909.282.051
- Tiền lãi vay đã trả	14	(167.568.293)	(1.294.170.377)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.612.713.726)	(776.467.999)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(551.801.445)	(954.922.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***6.071.063.616***	***11.685.855.103***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(335.786.357)	(10.034.129.629)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.012.999.999	1.544.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	338.888.321	12.852.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.016.101.963***	***(8.477.277.365)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	100.000.000	8.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.900.000.000)	(7.272.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**(8.800.000.000)**	***1.628.000.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(1.712.834.421)**	**4.836.577.738**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**9.669.148.141**	**4.832.570.403**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**7.956.313.720**	**9.669.148.141**

M.S.D.N: 0800282498 CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG TỈNH HẢI DƯƠNG

Đào Văn Dũng	**Nguyễn Hữu Khiêm**	**Trần Thị Vân**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó, công ty mẹ - Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương là công ty cổ phần, với cổ đông chính là Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 58 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 157 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, đồi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty bao gồm công ty mẹ - Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương và công ty con - Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên.

Cấu trúc công ty mẹ bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

Thông tin chi tiết về công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Thái Nguyên	99,99%	99,99%	Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được.

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ - Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất .

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và chi phí dự phòng phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị văn phòng	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường được Công ty trích khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí khác đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến việc giải phóng mặt bằng của diện tích đất thuê trả tiền hàng năm tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

Các khoản nợ phải trả và **chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị.
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang - Cổ đông chính

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	156.538.757	420.992.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.799.774.963	5.248.155.974
Các khoản tương đương tiền (i)	5.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	7.956.313.720	**9.669.148.141**

Ghi chú:

(i) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Thạch với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Hưng Hoà	769.797.000	1.066.691.350
Công ty TNHH MTV Sơn Nam	513.196.262	688.156.012
Công ty Cổ phần XD công trình Thành An	531.294.600	531.294.600
Các đối tượng khác	2.952.371.638	4.697.956.748
Cộng	**4.766.659.500**	**6.984.098.710**

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác dài hạn	***13.370.968.026***	-	***14.072.549.740***	-
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	13.370.968.026	-	14.072.549.740	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	***2.297.172.500***	***420.778.730***	*1.579.331.000*	*88.091.900*
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	-
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	-
Công ty CP Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	-
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	-
Công ty CP XD công trình Thành An	531.294.600	265.647.300	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại & Vận tải Đại Phú	188.020.500	-	218.020.500	65.406.150
Khách hàng khác	646.024.900	155.131.430	429.478.000	22.685.750

Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	352.780.268	-	523.001.595	-
Công cụ, dụng cụ	28.363.616	-	18.369.845	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	36.587.180	-
Thành phẩm	1.494.732.845	-	6.034.237.434	-
Cộng	**1.875.876.729**	-	6.612.196.054	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	*8.100.000*	***22.922.020***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.100.000	22.922.020
b) Chi phí trả trước dài hạn	***8.520.610.097***	***8.768.379.471***
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (i)	8.433.282.167	8.768.379.471
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	87.327.930	-

Ghi chú:

(i) Phản ánh chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 38.096,9 m² đất tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để phục vụ Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Hang Trai 2; trong đó có 30.592,5 m² chưa thực hiện xong thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**8.181.045.545**	**22.675.585.780**	**1.586.958.655**	**260.102.396**	**32.703.692.376**
Mua trong năm	335.786.357	860.000.000	-	-	1.195.786.357
Thanh lý, nhượng bán	(1.547.629.361)	(4.657.396.542)	(171.902.000)	(180.612.396)	(6.557.540.299)
Số dư cuối năm	**6.969.202.541**	**18.878.189.238**	**1.415.056.655**	**79.490.000**	**27.341.938.434**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**7.193.029.666**	**12.007.444.368**	**1.386.444.776**	**260.102.396**	**20.847.021.206**
Khấu hao trong năm	177.584.789	2.241.144.384	127.609.065	-	2.546.338.238
Thanh lý, nhượng bán	(1.527.554.761)	(3.118.497.765)	(171.902.000)	(180.612.396)	(4.998.566.922)
Số dư cuối năm	**5.843.059.694**	**11.130.090.987**	**1.342.151.841**	**79.490.000**	**18.394.792.522**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	**988.015.879**	**10.668.141.412**	**200.513.879**	**-**	**11.856.671.170**
Số dư cuối năm	**1.126.142.847**	**7.748.098.251**	**72.904.814**	**-**	**8.947.145.912**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.548.842.451 VND (tại ngày 30 tháng 12 năm 2020 là 11.284.723.191 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**31.752.100.664**	**14.892.908.630**	**46.645.009.294**
Giảm do hết thời gian khai thác khoáng sản (i)	(10.225.308.664)	(13.741.609.000)	(23.966.917.664)
Số dư cuối năm	**21.526.792.000**	**1.151.299.630**	**22.678.091.630**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**9.914.697.063**	**13.471.865.226**	**23.386.562.289**
Khấu hao trong năm	819.796.750	296.976.108	1.116.772.858
Giảm do hết thời gian khai thác khoáng sản (i)	(10.225.308.664)	(13.741.609.000)	(23.966.917.664)
Số dư cuối năm	**509.185.149**	**27.232.334**	**536.417.483**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	**21.837.403.601**	**1.421.043.404**	**23.258.447.005**
Số dư cuối năm	**21.017.606.851**	**1.124.067.296**	**22.141.674.147**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số tiền
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày đầu năm	**12.975.830.030**
Tại ngày cuối năm	**12.975.830.030**
HAO MÒN	
Tại ngày đầu năm	**3.027.693.674**
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.297.583.003
Tại ngày cuối năm	**4.325.276.677**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	**9.948.136.356**
Tại ngày cuối năm	**8.650.553.353**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	***446.881.027***	***446.881.027***	***1.349.253.961***	***1.349.253.961***
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	55.946.459	55.946.459	598.306.071	598.306.071
Hợp tác xã thương mại Quyết Tiến	109.017.880	109.017.880	172.983.260	172.983.260
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh	140.085.000	140.085.000	-	-
Các đối tượng khác	141.831.688	141.831.688	577.964.630	577.964.630

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã nộp/thu trong năm	Số đầu năm
a) Phải nộp	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	64.968.203	3.711.325.054	3.983.497.976	337.141.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	352.541.449	940.217.004	587.675.555
Thuế thu nhập cá nhân	-	41.478.750	55.853.650	14.374.900
Phí môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Thuế Tài nguyên	166.105.255	4.326.453.730	4.831.940.159	671.591.684
Thuế sử dụng đất phi nông nhiệp	-	60.239.900	60.239.900	-
Tiền thuê đất	-	2.803.066.870	2.803.066.870	-
Phí bảo vệ môi trường	81.276.800	2.451.417.650	2.681.024.400	310.883.550
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	14.773.288.000	471.016.400	1.948.345.400	16.250.617.000
Các khoản phải nộp khác	-	170.332.641	170.332.641	-
Cộng	**15.085.638.258**	**14.393.872.444**	**17.480.518.000**	**18.172.283.814**
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	-	672.496.722	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.341.250	-	8.341.250	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.004.898.885	-	1.004.898.885	-
Cộng	**1.685.736.857**	-	**1.685.736.857**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Dự phòng phải trả ngắn hạn	***8.650.849.400***	*11.597.606.000*
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	8.650.849.400	11.597.606.000
b) Dự phòng phải trả dài hạn	***6.795.066.630***	*3.225.067.003*
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	6.795.066.630	3.225.067.003

Ghi chú:

(i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Hải Dương và UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	32.628.180.000	**22.342.500**	4.880.168.320	**1.152.745**	**37.531.843.565**
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	6.159.945.929	(111.958)	6.159.833.971
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(600.000.000)	-	(600.000.000)
Chuyển nguồn vốn (i)	-	(22.342.500)	22.342.500	-	-
Số dư tại ngày cuối năm trước	**32.628.180.000**	-	**10.462.456.749**	**1.040.787**	**43.091.677.536**
Số dư tại ngày đầu năm nay	32.628.180.000	-	10.462.456.749	**1.040.787**	43.091.677.536
Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	41.982.390	(6.367)	41.976.023
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(500.000.000)	-	(500.000.000)
Số dư tại ngày cuối năm này	32.628.180.000	-	**10.004.439.139**	1.034.420	**42.633.653.559**

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 04 năm 2021 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 500.000.000 VND.

b) Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu phổ thông	*3.262.818*	*3.262.818*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
Cổ phiếu phổ thông	*3.262.818*	*3.262.818*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019), vốn điều lệ của Công ty là 32.628.180.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	11.649.190.000	35,70	11.649.190.000	35,70
Ông Đào Văn Dũng	416.000.000	1,27	1.316.500.000	4,03
Ông Đoàn Văn Cường	244.490.000	0,75	244.490.000	0,75
Các cổ đông khác	20.318.500.000	62,27	19.418.000.000	59,51
Tổng cộng	**32.628.180.000**	**100**	**32.628.180.000**	**100**

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01/2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11/2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất; Toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất đều liên quan đến hoạt động khai thác, chế biến đá nêu trên.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Doanh thu bán đá thô	5.045.139.000	9.273.366.959
- Doanh thu bán đá chế biến	59.420.347.400	70.470.227.274
- Doanh thu cát nghiền	-	46.577.500
Cộng	**64.465.486.400**	**79.790.171.733**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn đá thô	4.093.719.407	6.403.253.500
- Giá vốn đá chế biến	46.222.309.658	57.972.665.068
- Giá vốn trực tiếp	1.282.737.321	-
- Giá vốn cát nghiền	-	126.302.578
Cộng	**51.598.766.386**	**64.502.221.146**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.664.462.630	10.296.060.206
Chi phí nhân công	16.072.254.263	23.042.609.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.830.242.472	5.280.429.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.444.184.651	18.635.405.279
Chi phí khác bằng tiền	16.837.988.723	16.460.124.469
Cộng	**59.849.132.739**	**73.714.629.348**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	528.442.005	422.232.988
Cộng	**528.442.005**	**422.232.988**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	167.568.293	1.045.452.877
Cộng	**167.568.293**	**1.045.452.877**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp	2.690.091.664	3.772.275.469
Cộng	2.690.091.664	**3.772.275.469**
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.807.304.667	5.086.688.086
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.463.297.297	1.576.793.428
Thuế, phí và lệ phí	325.146.637	364.461.544
Chi phí dự phòng	-	72.199.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.924.747	227.233.943
Chi phí bằng tiền khác	4.510.693.110	2.317.710.362
Cộng	10.136.366.458	9.645.086.513

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Điều chỉnh giảm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	6.281.006.639
Hoàn nhập dự phòng chi phí hoàn nguyên	580.699.666	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	314.026.622	396.125.219
Thu nhập khác	88.398.502	288.101.163
	983.124.790	**6.965.233.021**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm hiện tại	352.541.449	1.319.300.796

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty **mẹ**	**41.982.390**	**6.159.945.929**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	500.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ **thông của công ty mẹ**	**41.982.390**	**5.659.945.929**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.262.818	3.262.818
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**13**	**1.735**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do năm 2021 đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 với số tiền là 500.000.000 VND (Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã trình bày là 1.888 VND).

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn, Công ty có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản. Các đề án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương và tỉnh Thái Nguyên phê duyệt (Thuyết minh số 15). Theo đó, hàng năm, Công ty phải ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường vào tài khoản ngân hàng do Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Hải Dương và Qũy Bảo vệ Môi trường tỉnh Thái Nguyên chỉ định.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đông chính
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạm Thành Đô	4.200.000	50.400.000
Đào Văn Dũng	301.763.000	309.869.000
Đỗ Quang Mạnh	244.647.000	278.134.000
Trần Văn Sừ	16.800.000	50.400.000
Nguyễn Ngọc Tuấn	27.300.000	-
Vũ Thắng Bình	66.300.000	75.600.000
Đoàn Văn Cường	269.870.000	241.922.000
Cộng	**930.880.000**	**1.006.325.000**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vay dài hạn thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	-	**2.500.000.000**
Ông Trần Văn Sừ	-	1.000.000.000
Ông Đào Văn Dũng	-	1.000.000.000
Ông Đỗ Quang Mạnh	-	500.000.000
Thanh toán các khoản vay	**2.500.000.000**	**4.936.000.000**
Ông Trần Văn Sừ	1.000.000.000	3.468.000.000
Ông Đào Văn Dũng	1.000.000.000	800.000.000
Ông Đỗ Quang Mạnh	500.000.000	668.000.000
Thanh toán lãi vay	**46.875.000**	**690.450.800**
Ông Trần Văn Sừ	18.750.000	414.093.900
Ông Đào Văn Dũng	18.750.000	154.694.400
Ông Đỗ Quang Mạnh	9.375.000	121.662.500
	157.500.000	**289.834.000**
Lãi vay thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	157.500.000	289.834.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính	-	**2.500.000.000**
Ông Trần Văn Sừ	-	1.000.000.000
Ông Đào Văn Dũng	-	1.000.000.000
Ông Đỗ Quang Mạnh	-	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	8.800.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(7.956.313.720)	(9.669.148.141)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	42.633.653.559	43.091.677.536
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.956.313.720	9.669.148.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.261.233.756	19.565.409.350
Cộng	**24.217.547.476**	**29.234.557.491**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	8.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	504.827.550	1.452.785.434
Chi phí phải trả	207.969.743	981.221.231
Dự phòng phải trả	15.445.916.030	14.822.673.003
Cộng	16.158.713.323	26.056.679.668

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.956.313.720	-	-	7.956.313.720
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.890.265.730	13.370.968.026	-	16.261.233.756
Cộng	**10.846.579.450**	**13.370.968.026**	-	**24.217.547.476**
Số cuối năm				
Các khoản vay	-			-
Phải trả người bán và phải trả khác	504.827.550	-	-	504.827.550
Chi phí phải trả	207.969.743	-	-	207.969.743
Dự phòng phải trả	8.650.849.400	5.643.767.000	1.151.299.630	15.445.916.030
Cộng	**9.363.646.693**	**5.643.767.000**	**1.151.299.630**	**16.158.713.323**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1.482.932.757**	**7.727.201.026**	**(1.151.299.630)**	**8.058.834.153**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.669.148.141	-	-	9.669.148.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.492.859.610	13.772.906.195	299.643.545	19.565.409.350
Cộng	**15.162.007.751**	**13.772.906.195**	**299.643.545**	**29.234.557.491**
Số đầu năm				
Các khoản vay	400.000.000	5.600.000.000	2.800.000.000	8.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.452.785.434	-	-	1.452.785.434
Chi phí phải trả	981.221.231	-	-	981.221.231
Dự phòng phải trả	11.597.606.000	2.073.767.373	1.151.299.630	14.822.673.003
Cộng	**14.431.612.665**	**7.673.767.373**	**3.951.299.630**	**26.056.679.668**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**730.395.086**	**6.099.138.822**	**(3.651.656.085)**	**3.177.877.823**

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

M.S.D.N: 0800224 CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Đào Văn Dũng	**Nguyễn Hữu Khiêm**	**Trần Thị Vân**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hải Dương, ngày 22 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 20 /CV-KHD	
V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2021.	*Hải Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2022*

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội(HNX)

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương giải trình về ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán VACO trong báo cáo tài hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 như sau:

- ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương năm 2022 với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng với giá trị 1.260.000.000 VND; Việc thực hiện trích lập dự phòng này là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam. Nếu ghi nhận theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 khoản mục "Phải trả người lao động" sẽ giảm với số tiền là 1.260.000.000 VND, đồng thời trên Báo cáo kết qủa hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ giảm và "Lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ tăng với số tiền tương ứng.

- ***Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

- **Giải trình của Công ty**

Theo đánh giá của Công ty các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 bị sụt giảm nghiêm trọng so với thực hiện năm 2021, doanh thu năm 2022 ước bằng khoảng 13% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân là do hầu hết các mỏ khoáng sản đã khai thác hết trữ lượng, phải thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ theo quy định của Luật khoáng sản.

Hiện nay công ty phải duy trì một lực lượng lao động để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, ngoài ra phải thực hiện công tác cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ và công tác quản lý khác.

Theo đánh giá của Công ty, quỹ lương theo doanh thu năm 2022 sẽ không đủ đảm bảo việc trả lương cho lực lượng lao động này. Để giúp cho người lao động không bị biến động lớn về thu nhập trong năm 2022, Công ty thực hiện trích lập dự phòng quỹ lương để bổ sung vào quỹ lương năm 2022 với số tiền là 1,26 tỷ đồng. Số tiền này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.

Việc trích lập dự phòng tiền lương được thực hiện căn cứ vào quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 Hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã giải trình.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Website;
- Lưu VT,HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Đào Văn Dũng